TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật tóm lược (Quyển 12)

ISSN: 2734-9195 09:05 06/04/2026

Bộ Luận Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật được giảng giải bởi Hòa thượng Tuyên Hóa, Việt dịch Tỳ Kheo Thích Minh Định, gồm có 25 quyển. Bài viết này là những ý chính, cô đọng nhất của quyển 12.

1. Phẩm Thập Hồi Hướng

Thế nào gọi là hồi hướng? Hồi là chuyển, ý nghĩa là hồi chuyển. Hướng là hướng về. Hồi hướng, nghĩa là nói hồi chuyển có hình, hướng về nơi vô hình. Hướng chuyển có tướng, hướng về nơi không có tướng, vô tướng. Hướng chuyển hư vọng, hướng về nơi chân thật. Hồi chuyển công đức của mình, hướng về nơi kẻ khác. Hồi hướng có nhiều lối giải thích, hiện tại hợp lại mà nói, có thể phân ra làm ba phương diện:

(1). Hồi hướng công đức của mình, hướng về kẻ khác.

(2). Hồi hướng căn lành của mình, hướng về bồ đề. Hai loại nầy là tuỳ tướng.

(3). Hồi hướng căn lành tích tập của mình, hướng về thật tế. Thật tế tức là không có tướng, tức cũng là lìa tướng.

Ba phương diện đã nói ở trên, thứ nhất là chúng sinh, thứ hai là bồ đề, thứ ba là thật tế. Đây là nói tổng hợp, nếu phân biệt ra để giải thích nói, thì lại có thể phân ra làm mười loại hồi hướng:

Hồi tự hướng tha: Đem những gì mình làm hồi hướng cho kẻ khác, tức là hồi hướng cho chúng sinh. Trong Kinh văn có nói: "Nếu có căn lành, chẳng muốn lợi ích tất cả chúng sinh, thì chẳng gọi là hồi hướng". Nếu tất cả căn lành của bạn làm được, chỉ biết lợi mình, nhận rằng tất cả việc lành công đức, là phước báo tư lương của mình, chẳng chịu phân chia cho kẻ khác, đây tức là "Chẳng lợi ích tất cả chúng sinh", không thể gọi là "hồi hướng". Nếu như bạn có chút việc thiện nghiệp thiện, lập tức hồi hướng cho pháp giới tất cả chúng sinh, nguyện cùng với pháp giới chúng sinh, nhất thời đều chứng được A Nậu Đa La Tam Miệu Tam

Bồ Đề, đây mới là "Lợi ích tất cả chúng sinh, mới là chân chính "Hồi hướng".

Hồi ít hướng nhiều: Chính mình một người là ít, hết thảy chúng sinh là nhiều. Bồ Tát tu các căn lành, dù là ít, nhưng dùng chút ít căn lành nầy, nhiếp trì khắp tất cả chúng sinh, dùng tâm đại hoan hỉ, phát hồi hướng rộng lớn. Bất cứ căn lành gì, đều bố thí khắp cho pháp giới chúng sinh. Đây cũng là "Nguyện cùng với pháp giới chúng sinh, nhất thời đều chứng được A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề".

Hồi nhân hạnh của mình, hướng về nhân hạnh của kẻ khác: Bồ Tát tu hạnh Bồ Tát, đem tất cả căn lành của mình tu hồi hướng về Phật, sau đó lại đem căn lành đó, hồi hướng cho tất cả Bồ Tát. Mình đang tu nhân hạnh, Bồ Tát khác cũng đang tu nhân hạnh, đem căn lành của mình đang tu nhân hạnh, hồi hướng cho tất cả Bồ Tát quả địa chưa viên mãn, khiến cho họ được mãn nguyện. Làm cho tâm chưa được thanh tịnh, được thanh tịnh, sớm sẽ thành tựu Chính Đẳng Chính Giác.

(4). Hồi nhân hướng quả: Hồi nhân của mình, hướng về quả đức vô thượng. Khiến cho Vô Thượng Chính Giác bồ đề, mau chóng đắc được viên mãn.

(5). Hồi liệt hướng thắng: Liệt, tức là hạ liệt. Thắng, là thù thắng. Hạ liệt là phàm phu, ngoại đạo, đều là hạ liệt. Thù thắng, đại thừa, Bồ Tát, Chính Giác Phật quả, bồ đề, đều là thù thắng. Hồi những liệt hạnh mà phàm phu làm được, hướng về đại thừa Bồ Tát, thắng hạnh bồ đề quả giác của Chính Giác Thế Tôn tu.

(6). Hồi tỉ hướng chứng: Tỉ là so sánh. Tôi so sánh với Phật, thì tôi chưa chứng được quả Phật, Phật đã chứng được quả vị Phật. Tôi so sánh với tất cả Bồ Tát, thì tôi chưa đắc được thanh tịnh, Bồ Tát đã chứng được thanh tịnh, chứng được sơ địa, còn tôi vẫn là phàm phu. So sánh như thế, lập tức sẽ phát tâm dũng mãnh tinh tấn, sớm chứng được quả vị Vô Thượng Bồ Đề.

(7). Hồi sự hướng lý: Chúng ta bình thường làm tất cả sự tướng, tất cả pháp hữu vi, đều hồi hướng về lý thể chân thật, khiến sẽ chứng được Vô Dư Niết Bàn.

(8). Hồi hạnh môn sai biệt, hướng về hạnh môn viên dung: Hồi hướng đủ thứ hạnh môn khác biệt tu hành của chúng ta, hướng về hạnh môn viên dung vô ngại.

(9). Hồi pháp thế gian, hướng về pháp xuất thế gian: Hồi hết thảy tất cả pháp hữu vi thế gian, đem nó hướng về pháp vô vi xuất thế, tuỳ thuận pháp xuất thế giáo hoá chúng sinh, khiến cho chúng sinh biết pháp xuất thế mới là chân thật. Thành thục tất cả chúng sinh, được vô thượng bồ đề.

(10). Hồi thuận lý sự hạnh, hướng lý sở thành sự: Hồi thuận lý tất cả sự hạnh của sự tu hành, đem nó hướng về chân lý của sự thạnh tựu.

Hồi hướng thứ nhất đến thứ ba, là hồi hướng chúng sinh. Thứ tư đến thứ sáu, là hồi hướng bồ đề. Thứ bảy và thứ tám, là hồi hướng thật tế. Thứ chín và thứ mười, là thông nơi quả và thật tế. Thật tế tức là thật tướng, thật tướng cũng là vô tướng. Là người tu hành, nên minh bạch pháp truy cầu chân thật, tiến mà phải quét sạch tất cả pháp, lìa tất cả tướng. Viên mãn bồ đề, quy vô sở đắc.

Vì khiến cho các Bồ Tát đều đắc được thanh tịnh không nhiễm, sức vô uý. Vì đầy đủ biện tài không chướng ngại. Pháp vô ngại biện, nghĩa vô ngại biện, từ vô ngại biện, nhạo thuyết vô ngại biện, gọi là bốn biện vô ngại, còn gọi là bốn trí vô ngại. Đến được vô ngại biện như thế, mới có thể hàng phục được các dị luận, không thể khuất phục. Vào vô ngại trí địa, tức là tiến vào định chẳng thọ tất cả chướng ngại. Thứ trí nầy viên dung vô ngại, hay chiếu rõ các pháp thật tướng, có thể trụ nhất thiết trí địa phát đại tâm bồ đề. Vào trong định Bồ Tát Trí Quang nầy, lại có thể thành tựu căn lành vô tận của Bồ Tát. Lại có thể đầy đủ pháp trắng thiện chẳng thọ bất cứ chướng ngại gì. Lại có thể vào sâu khắp pháp giới, dùng phổ môn thị hiện để giáo hoá chúng sinh. Vào trong định Bồ Tát Trí Quang nầy, lại có thể đến được chỗ Phật thị hiện tất cả thần lực, thông đạt diệu dụng. Ý nghĩa "Tiền tế niệm trí" là chỉ một niệm trí tuệ ban đầu, tức cũng là một niệm trí tuệ phát tâm bồ đề lúc ban đầu. Một niệm trí tuệ nầy vĩnh viễn không dứt mất, tiếp tục mãi mãi, cho nên tâm bồ đề mà bạn phát ra vĩnh viễn trường tồn lại càng kiên cố. Vì đắc được tất cả chư Phật luôn luôn hộ niệm bạn, hộ trì các căn của bạn. Tín, tấn, niệm, định, tuệ, cùng với tất cả các pháp lành, gọi là các căn. Vào trong định Bồ Tát Trí Quang, lại có thể sinh ra vô lượng trí môn, rộng diễn nói vô lượng diệu pháp, giáo hoá tất cả chúng sinh, khiến cho chúng sinh một khi nghe được thì đều hiểu rõ, suốt đời thọ nơi tâm, trì nơi thân, vĩnh viễn chẳng quên mất. Do đó: "Khi lọt qua tai, Luôn là giống đạo".

Giống như có những người trí nhớ đặc biệt phi thường, có thể lọt qua mắt chẳng bao giờ quên, đó đều là do đời trước đã gieo trồng căn lành, đời nầy mới được như vậy. Lại có thể nhiếp thọ tất cả căn lành của các Bồ Tát. Lại có thể thành biện trợ giúp pháp môn nhân duyên đạo nghiệp xuất thế, khiến cho thành tựu. Lại có thể kế tục trí tuệ tối thù thắng của nhất thiết trí. Vào trong định Bồ Tát Trí Quang nầy, lại hay khiến cho tất cả chúng sinh đều phát thệ nguyện lớn, sớm thành Phật đạo. Lại có thể vì tất cả chúng sinh giải thích nghĩa lý chân thật, khiến cho họ biết rõ tất cả đạo lý của pháp giới. Vào trong định Bồ Tát Trí Quang nầy, hay khiến cho mười phương tất cả chư Phật Bồ Tát đều hoan hỉ. Có thể tu tập căn lành bình đẳng của tất cả chư Phật. Lại có thể hộ trì giống tính của tất cả Như Lai. Giống tính Như Lai, tức là hạt giống của Như Lai. Hạt giống

của Như Lai, tức là tất cả chúng sinh. Hộ trì tất cả giống tính Như Lai, tức là hộ trì tất cả chúng sinh. Phật đã từng nói: "Tất cả chúng sinh, đều có Phật tính". Nghĩa là nói chúng sinh đều có giống tính của Phật, tức là hạt giống tính, tức là một chút giống tính thành Phật. Cho nên phải hộ trì, phải hộ trì giống tính thành Phật của tất cả chúng sinh cho tốt.

Ở trên nói về đại Bồ Tát tu hạnh hồi hướng có mười loại, những gì là mười loại? Hiện tại sẽ nói tỉ mỉ hơn.

1. Cứu hộ tất cả chúng, lìa tướng chúng sinh hồi hướng: Đây là đại nguyện của Bồ Tát, muốn cứu hộ khắp tất cả chúng sinh, mà chẳng chấp tướng. Là sự "hồi hướng lìa tướng hồi tự hướng tha". Như trong Kinh Kim Cang có nói: "Như vậy diệt độ tất cả chúng sinh, Mà thật chẳng có một chúng sinh được diệt độ". Nghĩa là nói lìa tướng hồi hướng, lìa tướng chúng sinh. Bồ Tát cứu độ tất cả chúng sinh, mà chẳng kể công, chẳng chấp tướng, chẳng khoe khoang. Ngài đem tất cả công đức thiện nghiệp hồi hướng cho tất cả chúng sinh. Lìa các tướng, tức là lìa khỏi sự chấp trước. Nếu có sự chấp trước, thì sẽ tự mãn, sẽ kiêu ngạo. Một khi sinh tâm kiêu ngạo, thì vĩnh viễn sẽ không thể khai mở đại trí tuệ. Sự khó khăn nhất, quan trọng nhất của sự tu hành, là tu lìa sự chấp trước, lìa sự kiêu ngạo, nếu không thì không thể nào đắc được sự giải thoát. Chấp trước thì giống như dùng sợi dây thừng tự trói buộc mình, cho nên nói không thể được giải thoát. Người chấp trước, thì tâm lượng nhỏ, không thể dung chứa người, dung chứa vật, tuyệt đối sẽ chẳng có đại trí tuệ, chẳng có đại trí tuệ quang minh. Người chẳng chấp trước vào "người, sự việc, thời, đất, vật", mới có thể cứu độ tất cả chúng sinh, lìa tướng chúng sinh hồi hướng, cuối cùng tự nhiên sẽ đạt đến bồ đề viên mãn, quy vô sở đắc, khai đại ngộ, được đại trí tuệ.

2. Bất hoại hồi hướng: Thế nào là bất hoại? Là chẳng hoại căn lành, chẳng hoại công đức lành, chẳng hoại tâm bồ đề, chẳng hoại tâm kim cang, chẳng hoại giới định tuệ, chẳng hoại tâm tin kiên cố nơi Tam Bảo. Đem hết thảy công đức căn lành tâm bồ đề của mình, hồi hướng hết cho pháp giới tất cả chúng sinh, khiến cho căn lành công đức, tâm bồ đề, tâm kim cang .v.v... Của chúng sinh cũng chẳng hoại diệt. Tôi phát bốn thệ nguyện lớn, tức cũng đồng như chúng sinh phát, đây là bất hoại hồi hướng.

3. Đồng tất cả chư Phật hồi hướng: Tôi nguyện học pháp môn hồi hướng của chư Phật ba đời tu hành, theo sự hồi hướng của chư Phật ba đời đã phát ra. Đem hết thảy tất cả công đức của mình làm được, đồng như chư Phật hồi hướng cho pháp giới chúng sinh.

4. Đến tất cả mọi nơi hồi hướng: Đến tất cả mọi nơi tức là đến nơi rốt ráo, nghĩa là đạt đến được quả vị Phật. Tôi hy vọng thành Phật, cũng muốn cho tất cả

chúng sinh sớm thành Phật đạo, hồi hướng như vậy.

5. Vô tận công đức tạng hồi hướng: Do sự hồi hướng, nên sẽ thành tựu tạng vô tận công đức. Chúng sinh vô tận, công đức vô tận, cho nên hồi hướng cũng vô tận.

6. Vào tất cả căn lành bình đẳng hồi hướng: Tư tưởng vào sâu tất cả bình đẳng, tâm chẳng phân biệt, khiến cho tất cả chúng sinh đều đắc được căn lành, thuận lý tu thiện, sự lý chẳng trái, vào nơi hồi hướng bình đẳng.

7. Đồng tuỳ thuận tất cả chúng sinh hồi hướng: Quán sát chúng sinh hồi hướng, chẳng tính toán có bao nhiêu, chẳng phân biệt thân sơ, phân biệt thiện ác, chẳng phân biệt tốt xấu giàu nghèo, đem hết thảy công đức căn lành của tôi, tuỳ thuận chúng sinh, lợi ích chúng sinh, bình đẳng hồi hướng cho tất cả chúng sinh.

8. Chân như tướng hồi hướng: Bảy loại hồi hướng ở trên, đều có hình tướng. Nhưng chân như là không hình, không tướng, tuyết đối đối đãi, bặt lời lẽ tư tưởng. Tuy nhiên như vậy, nhưng căn lành có thể hợp vào nơi chân như, cho nên có môn hồi hướng nầy.

9. Không ràng buộc chấp trước giải thoát hồi hướng: Chẳng "ràng buộc", chẳng "chấp trước", sinh hoạt ở trong chân lý nhậm vận tự tại, chẳng bị mọi sự ràng buộc nào, đắc được tự do giải thoát. Bồ Tát đắc được "giải thoát không ràng buộc, không chấp trước", cũng hy vọng tất cả chúng sinh đều đắc được sự tự do" giải thoát không ràng buộc, không chấp trước", do đó đem sự đắc được của mình, hồi hướng cho pháp giới chúng sinh.

10. Vào pháp giới vô lượng hồi hướng: Bồ Tát vào sâu pháp giới, thực hành vô lượng vô biên công đức lành, tận cùng hư không khắp pháp giới, chẳng có một nơi nào mà chẳng có bố thí công đức lành của chư Phật Bồ Tát. Bồ Tát đem căn lành công đức đó, hồi hướng cho pháp giới vô lượng vô biên chúng sinh.

Đại Bồ Tát, khi các Ngài tu hành đạo Bồ Tát, hành hạnh môn thập hồi hướng, gieo trồng các căn lành, thành ý cẩn thận, "không làm các điều ác, chuyên làm các điều thiện". Chưa từng cho rằng việc thiện nhỏ không làm, hoặc điều ác nhỏ mà làm. Bồ Tát gieo trồng các căn lành như vậy, gieo trồng các căn lành ở trong thân tâm của chúng sinh. Nếu chẳng có chúng sinh, thì Bồ Tát cũng chẳng có chỗ để trồng căn lành, cho nên phải vì chúng sinh mà hồi hướng. Bồ Tát ở tại nơi thân chúng sinh gieo trồng căn lành, tức là tu hành Bồ Tát đạo, tu đạo bồ đề, mới rộng gieo trồng căn lành. Nếu như chẳng tu Bồ Tát đạo, cũng không thể gieo trồng căn lành. Bồ Tát rộng gieo trồng căn lành, vẫn phải lìa tướng gieo

trồng căn lành, cho nên phải hồi hướng "thật tế", thật tế tức là không chẳng chỗ có. Tóm lại, nghĩa là gieo trồng căn lành chẳng chấp trước căn lành. Lìa tất cả sự chấp trước, lìa tất cả sự ràng buộc, mới đắc được giải thoát. Khi Bồ Tát trồng căn lành, thì Ngài hồi hướng như vầy: Tôi nên biến thành nhà ở của chúng sinh, vì nhà ở che nắng che mưa, khiến cho chúng sinh an trụ ở trong đó. Khiến cho họ tránh khỏi các sự khổ não, như đói khát nóng lạnh.

2. Tâm từ bi của Bồ tát lớn như biển cả

Khổ có: Khổ khổ, hoại khổ, và hành khổ. Còn có tám thứ khổ và vô lượng thứ khổ. Bồ Tát lại hồi hướng như vầy: Tôi phải thường bảo hộ tất cả chúng sinh, khiến cho họ chẳng thọ bất cứ sự xâm hại nào. Phải cứu hộ tất cả chúng sinh, khiến cho họ lìa khổ được vui. Phải hộ trì tất cả chúng sinh, khiến cho họ đều đắc được giải thoát. Giải thoát dứt trừ tất cả phiền não, mà khiến cho họ đều đắc được thanh tịnh chân chính.

Bồ Tát lại hồi hướng như vầy: Tôi phải khiến cho tất cả chúng sinh, thân đều có chỗ quy về, tâm có chỗ nương tựa, làm nơi nương tựa của họ, xa lìa tất cả sự uy hiếp sợ hãi, mà có chỗ nương nhờ. Bồ Tát lại hồi hướng như vầy: Tôi phải làm chỉ tiêu hướng về chính quyết của tất cả chúng sinh, làm con đường đạo chính pháp lớn hướng về, khiến cho tất cả chúng sinh đều từ con đường đạo lớn nầy, thuận lợi đạt đến trí tuệ địa. Bồ Tát lại hồi hướng như vầy: Tôi phải làm chỗ bình an của tất cả chúng sinh, khiến cho tất cả chúng sinh đắc được sự an ổn chân chính, bình an khoái lạc. Bồ Tát lại hồi hướng như vầy: Tôi phải làm quang minh của tất cả chúng sinh, khiến cho tất cả chúng sinh đều đắc được trí tuệ quang minh, diệt trừ sạch tất cả ngu si đen tối. Bồ Tát lại hồi hướng như vầy: Tôi phải làm đuốc lửa cho tất cả chúng sinh, để phá trừ vô minh ám muội của họ. Bồ Tát lại hồi hướng như vầy: Tôi phải làm đèn sáng lớn cho tất cả chúng sinh, khiến cho họ đều trụ nơi cõi nước Phật thanh tịnh chân chính. Bồ Tát lại hồi hướng như vầy: Tôi phải làm bậc Đạo Sư của tất cả chúng sinh, để dẫn dắt họ đi trên con đướng chính, đạt đến con đường đạo chính pháp chân thật vô tướng. Bồ Tát lại hồi hướng như vầy: Tôi phải làm bậc đại Đạo Sư của tất cả chúng sinh, giáo hoá hết thảy mười phương tất cả chúng sinh, ban cho họ đại trí tuệ viên dung vô ngại, phá trừ tất cả sự ngu si ám muội của họ. Các vị đệ tử của Phật! Đại Bồ Tát, đem đủ thứ căn lành tu tập của Ngài, hồi hướng như ở trên vừa nói, đối với mười phương chúng sinh, đều xem bình đẳng, chẳng phân biệt, bình đẳng lợi ích tất cả chúng sinh, khắp tất cả đều thọ ích, rốt ráo đều có thể thành Phật.

Bồ Tát đối với chúng sinh, tâm lượng của Ngài từ bi rộng lớn như biển cả. Biển cả rộng lớn, chứa đựng vạn vật, từ xưa đến nay chẳng biến đổi. Dù bạn dùng phương pháp gì để phá hoại nó, cũng không thể nào tổn hại tơ hào nó được.

Nếu muốn biến đổi nó, cũng không thể biến đổi được chút nào. Như bỏ xuống tất cả các chất độc, cũng không thể nào độc hại nó được. Tâm lượng của Bồ Tát cũng giống như biển cả, bất luận chúng sinh dùng thái độ như thế nào đối đãi với Ngài, đều không thể biến đổi được tâm trạng từ bi của Ngài. Chúng sinh phần nhiều chẳng hiểu chẳng biết, ngu si mê muội, chẳng có trí tuệ chân chính, ỷ lại có chút thông minh, ngược lại chướng ngại trí tuệ chân chính. Thiện tri thức khổ tâm dạy bảo, cũng chẳng biết "Tri ân báo đức", ngược lại nổi giận, hung hăng, dùng tâm lang độc, chẳng nghe lời giáo hoá. Độc, là trong tâm oán hận đến cực điểm. Chúng sinh sân hận ngoan độc như vậy, thì họ nhất định có thái độ kiêu hãnh, đối với người kiêu mạn vô lễ, cuồng vọng tự đại, duy ngã độc tôn. Tâm của con người như thế, giống như mù tối, mắt chẳng thấy vật gì, chẳng biện rõ thị phi. Tâm trí bị vô minh che đậy, cho nên chẳng nhận thức được pháp lành, cũng chẳng nhận ra bậc thiện tri thức, nghĩa là đối diện với bậc thiện tri thức cũng chẳng nhận ra. Cho nên nói chúng sinh như thế ngu si vô trí, Bồ Tát chỉ có thương xót họ. Các loại chúng sinh ác như thế, họ dùng đủ thứ phương pháp để bức bách Bồ Tát, não hại Bồ Tát, cũng không thể kích động được định lực của Bồ Tát, không tán loạn được tâm từ bi của Bồ Tát, khiến cho tâm Bồ Tát giao động, tán loạn mà biến đổi tâm ban đầu.

Ở trước dùng biển cả để ví dụ, là ví dụ tâm lượng của Bồ Tát sâu dày rộng lớn như biển cả. Chúng sinh đối đãi với Bồ Tát như thế nào, Bồ Tát cũng chẳng động tâm hoặc thấy độc. Vì Ngài dùng tâm đại từ bi làm đầu. Hiện tại Bồ Tát Kim Cang Tràng lại đưa ra ví dụ: Giống như mặt trời hiện ra thế gian, chiếu sáng khắp. Ví như có người mới sinh ra đã mù loà chẳng thấy vật gì, gọi là sinh mù, nhìn chẳng thấy mặt trời, cũng chẳng biết mặt trời hình dáng ra sao. Giả sử có người nói với kẻ sinh mù, mặt trời là hình vuông, thì kẻ sinh mù cũng chẳng biết hình vuông ra làm sao? Có người nói với kẻ sinh mù, mặt trời là hình tam giác, hình chữ nhật, thì kẻ sinh mù cũng chẳng biết, cũng không đoán được rằng người đó nói đúng, hay không đúng. Song, mặt trời chẳng phải vì kẻ sinh mù nhìn không thấy, không biết, mà ẩn tàng đi không hiện nơi thế gian. Nó vẫn luôn luôn lơ lửng ở trên không, toả ra ánh sáng nóng ấm, chiếu khắp thế gian. Có núi cao ngất trời, phủ lấp mây mù, cũng có thể che lấp mặt trời. Còn có hang thẳm, ở đó cũng chẳng thấy mặt trời. Hoặc có rất nhiều bụi bặm, sương mù, khói dày, đám mây, các loại như thế, đều có thể che lấp mặt trời, cản trở mặt trời. Nhưng mặt trời, chẳng phải vì các nhân duyên đó, mà ẩn tàng đi không hiện ra. Mặt trời chẳng thọ tất cả sự chướng ngại, vĩnh viễn chiếu sáng nơi thế gian. Đại Bồ Tát cũng giống như mặt trời, Ngài quyết không vì có những sự chướng ngại mà không tu hành, không hành Bồ Tát đạo, không cứu độ chúng sinh, giáo hoá chúng sinh. Không màng chúng sinh dùng thủ đoạn gì phá hoại Ngài, cản trở Ngài, nhiễu loạn Ngài, khốn khổ Ngài, Ngài cũng chẳng vì thế, vẫn

dũng mãnh tinh tấn hành Bồ Tát đạo.

Sở dĩ Bồ Tát có những biểu hiện như đã nói ở trên, là vì Bồ Tát có phước đức lớn. Vì Ngài có phước đức, cho nên chưa từng sợ nạn khổ, đó là công đức tích tụ thành tựu trong lúc tu hành Bồ Tát đạo. Tâm lượng của Ngài sâu rộng như biển cả. Quang minh từ bi tế thế của Ngài như mặt trời khắp chiếu sáng vạn vật. Ngài đối đãi với Người và vật bình đẳng như chính mình, quán sát sự lý thì chính niệm. Lập định cứu thế giáo hoá chúng sinh làm tông chỉ. Chẳng vì chúng sinh cang cường khó dạy mà sinh tâm thối lùi. Chẳng khuất phục bởi thế lực và cường quyền. Chẳng cúi đầu lúc gặp khốn khổ hoạn nạn. Bất cứ lúc nào, hoàn cảnh nào, Ngài cũng chẳng thọ sự uy hiếp dẫn dụ mà biến đổi tác phong, hoặc chuyển lùi. Tại sao Bồ Tát có thể cự tuyệt như vậy? Vì Ngài có đại nguyện, đó là lời nguyện phát ra từ thâm tâm của Ngài. Nguyện lực dẫn dắt Ngài dũng cảm hướng về trước, hy vọng tâm thành tựu, khiến cho Ngài tinh tấn không giải đãi, cũng là vì muốn đắc được công đức rốt ráo, trí tuệ chân thật. Tóm lại, tức là muốn đắc được công đức đầy đủ, trí tuệ viên mãn. Giống như đủ thứ pháp môn thù thắng đã nói ở trước, Ngài đều lập chí một lòng tu học, và nguyện ý hành trì không giải đãi. Vì chí nguyện của Ngài cầu pháp thù thắng, vĩnh viễn không thối lùi khuất phục, cho nên Ngài đắc được pháp quang chiếu khắp, nơi nghĩa lý chính kiến quang minh, nơi tất cả pháp, dùng trí tuệ của Ngài, đều thấu suốt thông đạt, mà tự tại nhậm vận tu hành những pháp môn đó.



Ảnh minh họa thiết kế bởi AI - Tạp chí Nghiên cứu Phật học

Tại sao Bồ Tát phải thường tu các pháp?

Ngài vì tất cả chúng sinh, hy vọng thường có thể lợi ích cho tất cả chúng sinh mà tu các pháp lành. Bồ Tát từ xưa đến nay chưa từng vì lợi ích mà quên chúng

sinh, dù trong sự vô ý cũng chẳng lầm khởi tâm niệm xả bỏ chúng sinh. Bất cứ lúc nào Ngài cũng nghĩ đến việc giáo hoá chúng sinh, độ chúng sinh được giải thoát. Bồ Tát tu Bồ Tát hạnh, hành Bồ Tát đạo, thì nhất định phải tu ở tại thân của chúng sinh, mới có thể tích tụ hết thảy công đức. Nếu chẳng có chúng sinh, thì Bồ Tát chẳng có đối tượng tu công lập đức, chẳng có cơ hội thành tựu Bồ Tát đạo. Bồ Tát giáo hoá chúng sinh, cũng chẳng vì chúng sinh sinh tính tệ ác, mà xả bỏ chúng sinh không giáo hoá. Ngài vẫn nghĩ tìm hết biện pháp, khéo dẫn dụ, khiến cho họ cải ác hướng thiện. Thứ tính tệ ác nầy của chúng sinh, đầy dẫy ở trong não hải sung mãn tà tri tà kiến, nóng giận lớn, tâm sân nặng. Chẳng thấy chân lý, chẳng ngộ con đường chân chính. Tất cả sự lý, vốn là trung đạo mới đúng. Thế nào gọi là trung đạo? Tức là chẳng thái quá, cũng đừng bất cập, không trái không phải, đó mới là trung đạo liễu nghĩa. Nếu thiên về một bên, tức thành tà. Sân hận nóng giận lớn, tự ngã ở trong tâm. Trược là ngu si, chẳng dễ gì điều phục. Vì loại chúng sinh đó sinh tính tệ ác, cho nên giáo hoá như thế nào, họ cũng chẳng tin thọ sự dạy dỗ. Bồ Tát tuy nhiên gặp những loại chúng sinh cang cường ngu muội, khó điều khó phục, song, không thể không độ họ hoặc xả bỏ họ, hoặc chẳng hồi hướng cho họ. Bồ Tát chẳng làm như thế. Dù khó độ, khó giáo hoá, lại cang cường, lại tệ hại, Bồ Tát cũng phải dùng tâm nhẫn nại tối đa để độ họ, dạy họ, khiến cho họ cải ác hướng thiện. Đem căn lành công đức của mình tu hành tích tụ, thời thời vì loại chúng sinh nầy mà hồi hướng.

Bồ Tát vì sức lực gì, mà khiến cho Ngài chẳng sợ gian khổ, chẳng sinh tâm thối chuyển? Là vì đại thệ nguyện thuở xưa phát ra, cùng với đời nầy lại phát đại nguyện "Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ", làm áo giáp của Ngài. Thời xưa lính ra đánh trận cũng mặc áo giáp để hộ thân. Ý nghĩa là nói dùng đại nguyện để làm áo giáp, để bảo hộ thân tâm của Ngài, cho nên khiến cho Ngài chẳng sợ chẳng lùi bước. Vì hành Bồ Tát đạo tích tụ căn lành công đức, để làm dụng cụ trang nghiêm quả bồ đề. Đại nguyện của Bồ Tát, là cứu hộ tất cả chúng sinh. Ngài chẳng sợ gian nan, vĩnh viễn chẳng thối lùi, dùng cứu hộ chúng sinh làm bổn hoài. Ngài cũng chẳng vì chúng sinh chẳng biết "tri ân báo ân", mà sinh tâm thối lùi, thối thất tâm bồ đề, chẳng hành Bồ Tát đạo. Chúng sinh ngu muội chẳng có trí tuệ, lời nói việc làm trái nhau, chẳng rõ tốt xấu, chẳng biết cảm ơn, ngược lại huỷ báng Tam Bảo, Bồ Tát cũng chẳng vì vậy mà xả bỏ chúng sinh, do đó mà bỏ đạo bồ đề. Bồ Tát cũng chẳng cùng với phàm phu ngu muội cùng một nơi, tự mình chẳng tu hành, bèn xả bỏ tất cả căn lành như lý như thật.

Cũng chẳng vì chúng sinh thường thường sinh ra những tư tưởng lỗi lầm ác liệt, bèn cảm thấy khó nhẫn thọ, thì sinh tâm nhàm chán đối với chúng sinh đó. Chẳng vì họ khó độ, khó điều phục, thì sinh tâm nhàm chán. Bồ Tát đối với những chúng sinh mao bệnh như thế, Ngài đều xem bình thường, chẳng cho rằng quái lạ. Vẫn giữ tâm từ bi, nguyện lực của Ngài đối với các chúng sinh, từ

từ dạy bảo, chẳng biết thời gian số kiếp, nhất định kẻ cang cường được điều phục, kẻ lỗi ác thuần thiện thì ngừng.

Nghĩa lý Kinh văn như vừa nói ở trên, Bồ Tát tu căn lành, động cơ phát tâm hồi hướng, chẳng chỉ vì thanh tịnh một cõi Phật, chẳng chỉ vì tin một vị Phật, chẳng chỉ vì muốn thấy một vị Phật, chẳng chỉ vì minh bạch một thứ Phật pháp, Ngài mới sinh khởi nguyện lực đại trí tuệ, để hồi hướng Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác. Mà Ngài muốn thanh tịnh khắp hết thảy tất cả cõi nước chư Phật, tin khắp mười phương ba đời tất cả các Đức Phật, khắp thừa sự cúng dường mười phương ba đời tất cả các đức Phật, khắp hiểu rõ tất cả Phật pháp, Ngài mới phát thệ nguyện lớn, tu tập đủ thứ căn lành, hồi hướng về quả vị Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác. Do đó, có thể thấy Bồ Tát chẳng có tơ hào tâm ích kỷ. Ngài cũng chẳng vì mình thành Phật mà tu căn lành, phát tâm hồi hướng. Ngài vì tất cả chúng sinh mà phát thệ nguyện lớn, vì khiến cho hết thảy chúng sinh, đều cùng thành Phật đạo, mà tu các căn lành, phát tâm hồi hướng, hồi hướng quả vị Phật Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác.

"*Dùng các Phật pháp mà làm sở duyên*".

Đủ thứ diệu pháp của chư Phật nói, tức là chỗ Ngài duyên cầu. Ngài vì cầu được Phật pháp, cho nên phát tâm rộng lớn, tận cùng hư không khắp pháp giới. Gặp bất cứ khó khăn đả kích đều không thay đổi, chẳng thối thất tâm bồ đề mà Ngài đã phát. Bồ Tát chẳng giống như phàm phu, gặp cảnh thuận thì vui mừng, tinh tấn tu hành, gặp cảnh nghịch thì tâm thối lùi. Đại Bồ Tát, Ngài từ vô lượng kiếp đến nay, tu hành tích tập "tâm báu" ít có trên đời, chẳng dễ gì đắc được. Tâm báu tức là tâm pháp, pháp môn của đất tâm, là mẹ của chư Phật, cho nên gọi là "tâm báu". Tâm báu nầy nếu tu đắc được, thì bình đẳng không hai với chư Phật. Đại Bồ Tát Ngài dùng tâm địa pháp môn, để quán sát sự tích tập của tất cả căn lành. Ngài đối với pháp của chư Phật nói ra, tin mà không nghi, tín căn của Ngài vừa kiên cố lại thanh tịnh. Tâm đại bi vững bền không lung lay, đồng thể với chúng sinh. Do đó "Vô duyên đại từ, đồng thể đại bi". Đối với người không có duyên, càng phải có tâm từ bi. "Đồng thể đại bi", với tất cả chúng sinh, đều thấy như đồng thể, chẳng có phân biệt đó đây, đây tức là "tâm đại bi". Tâm đại bi chẳng phải nhất thời, mà là phải kiên cố luôn luôn. Dùng tâm thâm sâu để cầu Phật pháp. Dùng tâm hoan hỉ để cầu Phật pháp. Dùng tâm thanh tịnh để cầu Phật pháp. Dùng tâm tối thắng để cầu Phật pháp. Dùng tâm nhu nhuyến, tức là tâm nhẫn nại, giáo hoá chúng sinh thì cần tâm nhẫn nại. Dùng tâm từ bi để cứu độ chúng sinh. Vì thương xót chúng sinh ở trong khổ nạn, mà phát tâm bồ đề cứu hộ tất cả chúng sinh. Tâm nhiếp hộ: Nhiếp tức là nhiếp thọ, hộ tức là hộ niệm, bảo hộ chúng sinh và mẫn niệm họ.

Nhiếp thọ có hai phương pháp:

- Một là đối với chúng sinh cang cường, dùng phương pháp triết phục.

- Hai là đối với chúng sinh lành tốt, dùng phương pháp nhu hoà nhiếp thọ.

Tâm nhiếp hộ của Bồ Tát, là phương tiện khéo léo vì người xử dụng. Tuy nhiên Bồ Tát dùng tâm từ bi làm đầu, nhưng Ngài chẳng phải loạn dụng từ bi. Tâm lợi ích: Bồ Tát đối với hết thảy chúng sinh, khởi tâm động niệm, đâu chẳng phải là vì có lợi ích cho chúng sinh làm tiền đề. Tâm an lạc: Bồ Tát nơi nơi đều vì lợi ích cho chúng sinh, đồng thời cũng vì chúng sinh cầu an lạc, khiến cho họ đều được an cư lạc nghiệp, thường hành Bát Chính Đạo. Bồ Tát thực hành bất cứ công đức gì, Ngài đều khắp vì hết thảy tất cả chúng sinh hồi hướng chân thật, nguyện khiến cho chúng sinh đều đắc được lợi ích của sự hồi hướng. Bồ Tát thương người như mình, chẳng có phân biệt thân sơ đó đây. Ngài chẳng phải chỉ nói hồi hướng suông, chẳng trải qua thâm tâm. Bồ Tát là tâm miệng như một, trong tâm nghĩ thế nào, thì miệng nói thế ấy, chẳng giống như chúng sinh miệng thị tâm phi. Cho nên nói "Chẳng phải chỉ miệng nói suông".

Đại Bồ Tát, khi tu hồi hướng thì, Ngài là nghĩ như vầy: Tôi nguyện đem tất cả căn lành của tôi tu được, hồi hướng cho tất cả chúng sinh, hy vọng tất cả chúng sinh, đều thừa sự chư Phật, cúng dường chư Phật, không bỏ sót một vị Phật hoặc hai vị Phật nào, mà không thừa sự cúng dường. Nếu như đến đạo tràng của mười phương ba đời chư Phật, liền sinh khởi tâm tin thanh tịnh, chẳng bị bất cứ hoàn cảnh nào, làm tổn hại đến tâm tin thanh tịnh của bạn. Hy vọng các bạn thường thường nghe được chính pháp, đoạn trừ nghi hoặc quá khứ, từ đây chẳng còn tơ hào nghi hoặc nữa. Nghe được chính pháp rồi, đoạn trừ hoài nghi rồi, thì vĩnh viễn nghĩ nhớ không quên, thọ nơi tâm, trì nơi thân, tôn chiếu chính pháp, chiếu theo phương pháp chỉ thị của Phật, như lý tu hành. Tại đạo tràng của Như Lai, Bồ Tát tuỳ thời từ trong tâm sinh khởi tâm cung kính, kiền thành, cẩn thận, hành vi không có lúc nào mà không giữ gìn cẩn thận thân lời ý ba nghiệp thanh tịnh. Đừng nói không chiêu sự giết hại trộm cắp tà dâm của nghiệp thân, mà dù nơi vi tế cũng chẳng xúc phạm đến ba nghiệp, cho nên thân nghiệp của Bồ Tát luôn luôn thanh tịnh. Ở trong cảnh giới vô lượng vô biên, thân tâm an nhiên, rộng tu căn lành lớn. Việc thiện lớn nhỏ, Ngài đều làm hết, do đó mà Bồ Tát vĩnh viễn lìa khỏi sự bần cùng, bảy thứ tài phú đều viên mãn đầy đủ.

3. Bảy thánh tài - Mười lực

Bảy tài là: - Tín tài. - Giới tài. - Văn tài. - Tàm tài. - Quý tài. - Tuệ tài. - Xả tài.

Đây gọi là bảy thánh tài. Ngoài ra còn có lối gọi là bảy pháp tài: Tín tài, tấn tài, giới tài, tàm quý tài, văn tài, định tuệ tài, xả tài. Bồ Tát có bảy thứ tài nầy, một mặt mình thọ dụng, một mặt có thể tài bồi chúng sinh tu căn lành. Có căn lành rồi, thì sẽ có tài sản, cho nên nói bảy tài đầy đủ, vĩnh viễn lìa nghèo cùng.

Khi Bồ Tát ở tại đạo tràng, thì Ngài thường theo Phật tu học Phật pháp, chưa từng lãng phí chút thời gian nào. Vì Ngài siêng tu học, cho nên mới thành tựu vô lượng căn lành thù thắng vi diệu không thể nghĩ bàn. Căn lành đó, hay khiến cho lúc ban đầu phát tâm, liền thành Chính Giác, tức là khi bạn phát tâm bồ đề, thì có thể chứng được thần thông diệu dụng của Phật, cho nên gọi là căn lành thù thắng vi diệu. Bồ Tát siêng theo Phật tu học, đối với nơi các pháp, đều bình đẳng ngộ hiểu, thấu rõ thông đạt các pháp thật tướng, viên dung vô ngại, với trí tuệ của Phật, gọi là bình đẳng, cho nên mới nói trụ nhất thiết trí. Bồ Tát dùng con mắt chẳng bị bất cứ chướng ngại gì, bình đẳng xem tất cả chúng sinh, trong tâm chưa từng có sự phân biệt, chẳng phân biệt chúng sinh có căn lành hay không, hoặc có dễ giáo hoá hay không, đều xem như nhau. Bồ Tát tu pháp môn từ bi bình đẳng, đầy đủ các tướng, dùng 32 tướng, 80 vẻ đẹp, để trang nghiêm thân mình, chẳng có chút tì vết nào.

"Các tướng trang nghiêm thân", là quả của các giới trang nghiêm thân. Vì hay giữ gìn các giới, tức cũng là "Không làm các điều ác, chuyên làm các việc thiện", cho nên đắc được "Các tướng trang nghiêm thân" như mỹ ngọc. Bồ Tát tu được tướng tốt, đồng thời cũng tu được lời nói âm thanh trong trẻo hay tốt, khiến cho chúng sinh nghe được đều hoan hỉ, giảng Kinh thuyết pháp, nhiếp thọ được vô lượng chúng sinh, quy y chính pháp: Công đức độ chúng, rất mau viên mãn. Các căn điều phục, các căn là: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, sáu căn. Điều phục là nói sáu căn chẳng bị sáu trần chuyển, chẳng bị cảnh bên ngoài lay động.

Mười lực thành tựu, mười lực là mười thứ sức lực của Phật:

1. Tri giác xứ phi xứ trí lực.

2. Tri tam thế nghiệp báo trí lực.

3. Tri chư thiền giải thoát tam muội trí lực.

4. Tri các căn thắng liệt trí lực.

5. Tri chủng chủng giải trí lực.

6. Tri chủng chủng giới trí lực.

7. Tri nhất thiết chí xứ đạo trí lực.

8. Tri thiên nhãn vô ngại trí lực.

9. Tri túc mạng vô lậu trí lực.

10. Tri vĩnh đoạn tập khí trí lực.

Vì các căn đều đã điều phục, cho nên thành tựu được mười thứ lực dụng của Phật, thiện tâm tự nhiên viên mãn. Đến được cảnh giới nầy, thì tất cả hành vi gốc của tự tính, không tu mà tu, tận cùng hư không khắp pháp giới, đâu chẳng phải là đạo tràng của Bồ Tát, chẳng có chỗ nương tựa. Khiến cho tất cả chúng sinh, khắp được sự an lạc của Phật giống như Phật.

4. Mười thứ an lạc của Phật

1. Chỗ trụ của Phật an lạc không thể nghĩ bàn: Tức là không thể dùng tâm suy tư, không thể dùng lời luận bàn. Phật trụ an lạc vắng lặng trong cõi Thường Tịch Quang Tịnh Độ.

2. Tam muội an lạc của Phật chẳng có ai sánh bằng.

3. Đại từ bi an lạc không thể hạn lượng.

4. An lạc giải thoát của tất cả chư Phật.

5. Đại thần thông an lạc chẳng có bờ mé.

6. Đại tự tại an lạc tối tôn trọng nhất.

7. Vô lượng sức an lạc rộng lớn rốt ráo.

8. An lạc vắng lặng lìa các tri giác.

9. An lạc trụ vô ngại trụ hằng chính định.

10. An lạc không biến đổi hành hạnh không hai. Đó là mười thứ an lạc của Phật, cũng là đạo quả của tất cả người tu đạo tìm cầu muốn được, hy vọng các vị tín tâm kiên cố, dũng mãnh tinh tấn, sớm sẽ được an lạc chân thật như Đức Phật. Bồ Tát hy vọng tất cả chúng sinh đều đắc được an lạc chân thật như Đức Phật, cũng sẽ đắc được chỗ trụ vô lượng an ổn. Làm thế nào mới gọi là chỗ trụ an ổn? Trụ chỗ Phật trụ, mới là chỗ trụ an ổn thường lạc. Trụ ở cõi Thường Tịch Quang Tịnh Độ, thường được an lạc vắng lặng, cho nên gọi là vô lượng an trụ.

Phật trụ cũng có mười thứ

1. Chỗ Phật trụ không thể nghĩ bàn.

2. Thường trụ đại bi.

3. Trụ đủ thứ thân, làm các Phật sự.

4. Trụ bình đẳng ý, chuyển tịnh pháp luân.

5. Trụ bốn biện tài, nói vô lượng pháp.

6. Trụ tất cả Phật pháp không thể nghĩ bàn.

7. Trụ âm thanh tịnh, khắp vô lượng cõi.

8. Trụ pháp giới thâm sâu không thể nói.

9. Trụ hiện tất cả thần thông tối thắng.

10. Trụ hay khai thị pháp không có chướng ngại.

5. Sự quán tưởng về chúng sinh của Bồ tát

Đại Bồ Tát, thấy tất cả chúng sinh, tạo đủ thứ nghiệp ác. Thân họ tạo nghiệp giết hại, trộm cắp, tà dâm, tâm thì tham lam, sân hận, ngu si, miệng thì nói dối, nói hai lưỡi, nói thêu dệt, chửi mắng, tự tạo ra đủ thứ nghiệp ác, tự thọ tất cả thống khổ. Ai ai cũng chẳng muốn thọ khổ, nhưng họ lại đang thọ khổ. Đây chẳng phải kẻ khác trao cho, cũng chẳng phải ông trời không công bằng, tuỳ tiện ban bố cho bạn, cũng chẳng phải Phật Bồ Tát không bảo hộ bạn để khiến cho bạn thọ nhận. Đây là do trong nhiều đời, nhiều kiếp, tự mình làm, tự mình chịu, tạo nghiệp chiêu cảm quả khổ.

Vì nghiệp ác báo chướng, cho nên chẳng thấy được Phật, chẳng nghe được Pháp, chẳng gặp được hiền Thánh Tăng, suốt đời chẳng nghe được tên Tam Bảo. Bồ Tát thấy tình hình như vậy, nên trong tâm bèn nghĩ như vầy: Tôi phải vào trong ba đường ác, để thay thế những chúng sinh đó, thọ đủ thứ khổ, khiến cho những chúng sinh thọ khổ, đều đắc được giải thoát.

Khi Bồ Tát thọ khổ độc như thế, thì càng thọ khổ, ngược lại càng dũng mãnh tinh tấn, càng siêng tu giới định tuệ, càng diệt trừ tham sân si. Ngài chẳng xả bỏ chúng sinh mà trốn tránh thống khổ. Khi có cảnh giới khổ nạn đến thân, thì Ngài cũng chẳng sợ hãi mất tích. Dù có đến địa ngục để thay thế những chúng sinh thọ khổ cực hình thảm khốc, Ngài cũng chẳng sinh tâm khiếp sợ, quyết chẳng vì khổ lớn mà sinh tâm thối lùi, thay đổi tâm nguyện chẳng thay thế chúng sinh thọ khổ, hoặc sợ sệt mà sinh tâm khiếp nhược.

Và nữa, Bồ Tát lại thấy hết thảy chúng sinh, đều bị lưới ái ràng buộc, chẳng biết bị khổ ràng buộc. Chúng sinh đều từ ái dục mà sinh, lại do ái dục mà chết, do vô minh sinh ra tâm ái tình, giống như một tấm lưới, ràng buộc chúng sinh mê hồ điên đảo, chẳng biết cách thoát khỏi lưới ái sinh tử nầy, vẫn luôn luôn khởi vọng tưởng ái dục, vọng tưởng tình, chấp trước không thể giải thoát được. Trong tâm vì tình ràng buộc, si mê đến phát cuồng. Si tức là ngu si, ngu si thì giống như cái lọng lớn, che lấp mắt của chúng sinh, cho đến gì cũng chẳng minh bạch. Nhiễm trước hai mươi lăm cõi trong tam giới, theo đuổi không bỏ. Giống như vào trong lồng thống khổ, giống như ở trong giám ngục. Ở trong lồng, làm những hạnh nghiệp đều là việc ma làm. Phước cũng chẳng còn, trí tuệ cũng mất đi, luôn luôn thọ khổ trong sự khổ nạn. Vì chẳng có trí tuệ, nên đối với chân lý sinh tâm hoài nghi, sinh tâm nghi hoặc, sinh tâm điên đảo, đến đâu cũng chẳng cảm thấy bình an. Cảm thấy nguy hiểm, nhưng họ chẳng biết cách tránh khỏi, càng chẳng biết phương pháp thoát khỏi hai mươi lăm cõi trong tam giới, hoặc tìm cầu thiện tri thức chỉ dẫn họ con đường thoát khỏi ba cõi. Vĩnh viễn ở trong lồng sinh rồi chết, chết rồi sinh. Ở trong sáu nẻo luân hồi có lúc làm súc sinh, có lúc đoạ địa ngục, có lúc làm ngạ quỷ, có lúc làm người, có lúc làm A tu la, có lúc sinh về trời. Trôi nổi ở trong sáu nẻo luân hồi như vậy, tuần hoàn vô đoan, vĩnh viễn không ngừng nghỉ. Ở trong những đường khổ đó giống như người dính ở trong bùn, chẳng thoát ra được, cho đến bị bùn ngập chìm mà chết. Chúng sinh đoạ ở trong lưới ái, bị lưới ái ràng buộc, nước ái yểm ngập mà chết, bị các thứ khổ bùn lầy ngập chìm.

Bồ Tát thấy chúng sinh ngập ở trong bùn lầy, chẳng biết thoát khỏi, mà thọ đủ thứ khổ nạn, do đó mà khởi tâm đại bi, phát nguyện muốn cứu những chúng sinh thọ khổ đó, từ trong bùn lầy được thoát ra. Lại phát tâm nguyện, chẳng những chỉ cứu độ họ, mà còn phải ban cho những chúng sinh đó đủ thứ lợi ích, khiến cho họ đều được giải thoát, hưởng thọ sự an lạc tự do chân chánh. Bồ Tát đem những căn lành tu tập, để hồi hướng cho những chúng sinh đó. Ngài dùng tâm bồ đề rộng lớn hồi hướng cho chúng sinh, cũng hy vọng chúng sinh thọ sự hồi hướng của Ngài, cũng phát tâm bồ đề. Bồ Tát hồi hướng giống như Bồ Tát đời quá khứ đã hồi hướng, giống như Bồ Tát đời hiện tại đang hồi hướng, giống như Bồ Tát đời vị lai sẽ hồi hướng. Giống như pháp môn hồi hướng trong Kinh có nói, Bồ Tát nương vào phương pháp đó, để vì tất cả chúng sinh mà hồi hướng, nguyện tất cả chúng sinh thảy đều đắc được thanh tịnh, thân tâm an lạc. Thành tựu chủng trí, chân thật chính quyết, chính tri chính kiến, sớm chứng quả vị Phật. Là nguyên nhân gì khiến cho Bồ Tát siêng tu căn lành pháp môn hồi hướng? Bồ Tát xem sự khổ của chúng sinh như sự khổ của chính mình, cho nên Ngài nguyện ý thay thế chúng sinh thọ khổ, đem sự an lạc mà mình được hưởng thọ, hồi hướng cho tất cả chúng sinh. Cho nên Ngài nói: Thà tôi nguyện một

mình để thay thế chúng sinh thọ khổ, quyết chẳng nguyện ý mắt thấy chúng sinh đoạ vào trong địa ngục. Tôi phải vào địa ngục, súc sinh, vua Diêm Vương, những nơi nguy hiểm nhất, nơi khổ não nhất, dùng thân tôi để chuộc, tôi chịu khổ thay thế tất cả chúng sinh, đổi lại cứu lấy chúng sinh thoát khỏi khổ trong địa ngục và súc sinh, khiến cho họ được an lạc tự do, đắc được giải thoát.

Bồ Tát lại quán tưởng suy nghĩ như vầy: Tôi nguyện ý bảo hộ tất cả chúng sinh, chẳng khiến cho họ bị xâm hại và chẳng bình an từ bên ngoài. Do sự bảo hộ họ mà thọ bất cứ phiền não và đả kích nào, tôi cũng quyết không bỏ họ. Tôi quyết định phải cứu giúp họ lìa khổ được vui, vì lời nói của tôi nhất định phải làm được, lời tôi nói ra đều là thành thật, chẳng hư vọng. Tôi quyết không nói dối, không nói lời giả. Lời nguyện tôi phát ra phải đạt được mục đích, quyết chẳng phế bỏ giữa đường. Tại sao? Tôi vì cứu hộ tất cả chúng sinh, mà phát tâm đại bồ đề, chẳng phải tôi vì danh dự địa vị của tôi, để cho mọi người đến cung kính cúng dường tôi mới phát tâm đại bồ đề. Cũng chẳng phải vì mình muốn thành Phật, thành tựu quả vị vô thượng mà phát tâm đại bồ đề. Cũng chẳng phải vì tham cầu cảnh giới năm dục, muốn mình hưởng thọ năm dục mà phát tâm bồ đề, hoặc tham cầu đủ thứ dục lạc trong ba cõi, mới tu hạnh bồ đề. Năm dục là tiền tài, sắc đẹp, danh vọng, ăn ngon, ngủ nhiều. Ba cõi là cõi dục, cõi sắc, cõi vô sắc.

Nguyên nhân gì Bồ Tát không tham cảnh giới năm dục, và đủ thứ khoái lạc trong ba cõi, mà nguyện ý tu hạnh bồ đề? Vì Bồ Tát biết rõ hết thảy tất cả trong thế gian, đều là nhân của khổ đau. Ví như người thế gian đều hoan hỉ mặc quần áo tốt đẹp, thường thường chi nhiều tiền cho một bộ đồ đẹp, nhìn chói mắt. Song, một khi thiếu cẩn thận, bị dơ bẩn, hoặc bị rách, thì lúc đó, trong tâm rất phiền não, tiếc nuối, buồn rầu. Đây chẳng phải là chứng minh "vui là nhân của khổ" chăng? Hơn nữa người thế gian đều hoan hỉ ăn thức ăn ngon, khi gặp thức ăn ngon, thì ăn no nê hết chỗ chứa, kết quả có rất nhiều người vì tham ăn mà mất mạng, hoặc có người sinh bệnh, bệnh kỳ quái chẳng biết khổ dường nào. Đây chẳng phải là sự khoái lạc chuốt lấy phiền não chăng? Đây cũng chẳng phải là chứng minh vui là nhân của khổ chăng ? Đời sống con người có quan hệ với quần áo, ăn uống, chỗ ở, việc làm, cùng với hưởng thụ năm dục, đủ thứ khoái lạc trong ba cõi, đâu chẳng phải là nguyên nhân của khổ, cho nên nói: "Sự vui thế gian, đâu chẳng phải là khổ đau". "Cảnh giới các ma", tức là hết thảy tất cả cảnh giới. Hay khiến cho bạn vui mừng, khiến cho bạn nóng giận, khiến cho bạn chẳng vui, buồn rầu, thống khổ, phiền não, bi ai, đủ thứ cảnh giới thất tình lục dục, đều là cảnh giới của ma. Như các loại sự tướng nầy, làm cho kẻ ngu si hoan hỉ nhất, tham ái chấp trước mê hoặc, còn tự cho rằng là được vui.

Chư Phật đối với những cảnh giới đó, rất minh bạch rõ ràng, cho nên Ngài chẳng hy vọng chúng sinh chấp mê ở trong đó. Ngài dạy chúng sinh, cũng chẳng cho phép chúng sinh phạm thứ bệnh ngu xuẩn đó. Tất cả sự vui thế gian, đều là nhân của khổ, chúng ta thọ đủ thứ khổ hoạn, là do đây mà sinh ra. Tại sao chúng sinh đoạ vào địa ngục? Vì tâm tham sân si quá nhiều. Tại sao phải làm ngạ quỷ? Vì mao bệnh tham sân si. Tại sao phải đoạ làm súc sinh? Vẫn do tham sân si. Chúng sinh chấp trước tất cả cảnh giới, tham luyến tất cả sự hưởng thụ năm dục, cho nên đoạ vào địa ngục, hoặc làm ngạ quỷ, làm súc sinh. Tập khí ác tham sân si vốn nặng như thế, một chút cũng không thể nhường nhịn, vẫn buông bỏ chẳng được, như thế thì chỉ có trôi nổi ở trong các đường ác, tức là vì cảnh giới năm dục tạo thành. Vì buông bỏ chẳng được cảnh giới năm dục, đắm trước, chướng ngại không thể được sinh về cõi lãnh. Tức chẳng thấy được Phật, lại không thể sinh về cõi trời, thì làm sao đắc được quả vị Phật Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác?

Bồ Tát tu pháp môn thập hồi hướng, quán sát hết thảy thế gian tất cả chúng sinh như vậy, nhìn thấy họ vì tham đồ dục lạc, say đắm năm dục, thọ vô lượng khổ, ở trong bốn cõi ác tam giới lưu chuyển không ngừng, chẳng biết nhân của khổ, chẳng minh bạch con đường thoát khỏi. Bồ Tát Ngài quyết sẽ không bị năm dục dẫn dụ, bị sự vui của tam giới mê hoặc. Bồ Tát tu hạnh Bồ Tát, cầu Phật đạo vô thượng, Ngài cũng chẳng phải vì tham đồ hưởng thụ tiền tài sắc đẹp danh vọng ăn ngon ngủ nhiều, cũng chẳng phải vì truy cầu từ vị sắc thanh hương vị xúc. Những thứ dục lạc thế gian nầy chẳng rốt ráo, Bồ Tát chân thật hiểu rõ nó, sớm đã đại triệt đại ngộ. Ngài vì khiến cho chúng sinh đắc được sự an ổn chân thật, niềm vui lớn rốt ráo, mới phát tâm tu hạnh Bồ Tát, cầu Phật đạo vô thượng bồ đề. Ngài phải tu tập sáu độ vạn hạnh, mới có thể viên mãn thành tựu đại nguyện của Ngài cứu hộ chúng sinh. Ngài phải dùng thần thông trí tuệ thành tựu của mình, vì chúng sinh mà chặt đứt nhân khổ, sợi dây ma lực dụ hoặc năm dục, và nghiệp lực tham sân si trong tam giới, ràng buộc chúng sinh. Bồ Tát dùng thanh kiếm trí tuệ của mình chặt đứt nó, giải thoát chúng sinh khỏi sự ràng buộc, khiến cho họ thấy được Phật, nghe được Pháp, gần gũi Tăng, đắc được tự do an lạc.

Bồ Tát tu tập căn lành, hồi hường như vầy:

1. Tôi muốn rộng độ tất cả chúng sinh, chẳng sinh tâm phân biệt.

2. Tôi muốn giống như mặt trời, chiếu khắp tất cả chúng sinh.

3. Tôi muốn làm hướng đạo của chúng sinh, chỉ bày cho họ con đường chân chính.

4. Tôi muốn giáo hoá chúng sinh, khiến cho họ đều được khai ngộ, đắc được trí tuệ chân chính.

5. Tôi muốn chiếu cứ hết thảy chúng sinh, giống như mẹ hiền chiếu cứ con cái.

6. Tôi muốn nhiếp thọ tất cả chúng sinh, khiến cho họ đừng trở về với ngoại đạo.

7. Tôi muốn tận lực dẫn dắt họ, khiến cho họ thành tựu nghiệp thiện, kẻ chưa sinh nghiệp thiện, thì khiến cho sinh ra, đã sinh thì khiến cho tăng trưởng, đã tăng trưởng thì khiến cho sớm được viên mãn.

8. Tôi muốn lãnh đạo tất cả chúng sinh, thường huân tập ở trong chính pháp, đắc được pháp hỉ chân chính.

9. Tôi muốn khiến cho tất cả chúng sinh, thường hành bát chính đạo, thường trụ trong niềm vui chân chính.

10. Tôi muốn đối với tất cả chúng sinh, thường xiển dương chính pháp của chư Phật, khiến cho họ dứt trừ tất cả nghi hoặc, sinh ra trí tuệ rộng lớn.

Đoạn văn ở trên nói, Bồ Tát tu tập căn lành, chẳng màng nhiều ít, đều hồi hướng cho chúng sinh. Đoạn Kinh văn nầy là kỹ thuật đủ thứ sự hồi hướng của Bồ Tát, hồi hướng cho chúng sinh. Ý nghĩa của "đặt để" là thật tế. Thật tế tức cũng là pháp tính. Pháp tính vốn chẳng chỗ chấp trước.

1. "Hồi hướng đặt để chúng sinh nơi pháp tính không chấp trước", nghĩa là nói, Bồ Tát hồi hướng căn lành cho chúng sinh, đều khế hợp với sự hồi hướng thật tế, khiến cho chúng sinh hiểu tự tính của pháp, vốn không chấp trước. Câu nầy là tổng quát mỗi thứ hồi hướng ở dưới. Bồ Tát đối với chúng sinh, chẳng có lúc nào mà chẳng quan tâm, Ngài nghĩ phải cho chúng sinh làm được thật tế, hồi hướng chẳng chấp nơi pháp tính, tức là bình đẳng hồi hướng.

2. Thấy tự tính của tất cả chúng sinh, bình đẳng chẳng chấp trước, vẫn chẳng động, tuỳ duyên không đổi, vốn là tướng hằng thường vắng lặng, cho nên chẳng động chẳng chuyển.

3. Nơi hồi hướng chẳng nương tựa về bi, chẳng thủ lấy tướng, hành sở vô sự.

4. Chẳng chấp trước tướng căn lành mà tôi có, chỉ hồi hướng thật tế, hồi hướng bồ đề, hồi hướng chúng sinh, hồi hướng hư không.

5. Chẳng chấp về nghiệp đã tạo ra, chẳng so sánh tương lai về báo thể tính sẽ thọ, chẳng thêm phân biệt, hồi hướng thống thể.

6. Chẳng chấp vào sự hồi hướng sắc pháp năm uẩn, sắc thọ tưởng hành thức.

7. Cũng bất tất phá hoại tướng năm uẩn, hoặc không, để hồi hướng.

8. Hồi hướng chẳng tồn hy vọng báo đáp, quyết chẳng phải vì tôi đem căn lành hồi hướng cho chúng sinh, thì tương lai chúng sinh sẽ báo đáp cho tôi.

9. Nhân duyên chẳng dính sự cấu bẩn nhiễm ô để hồi hướng, phải nhân duyên thành tựu các việc thanh tịnh để hồi hướng.

10. Chẳng chấp trước phân biệt tất cả nhân duyên làm thế nào sinh khởi, và tương lai quả lại như thế nào, chẳng chấp vào những chi tiếc đó để hồi hướng.

Bồ Tát tu hồi hướng, đem căn lành của mình tu tập hồi hướng cho chúng sinh, lợi ích chúng sinh, và Ngài chẳng có hy vọng nhờ đó mà được mọi người tán dương, khiến cho ai nấy đều biết Ngài đang tu hồi hướng. Bồ Tát chẳng chấp trước vào hư vọng danh tiếng mà tu hồi hướng. Bồ Tát đem căn lành hồi hướng cho chúng sinh, chẳng cầu danh, cũng chẳng chấp vào xứ sở và đối tượng hồi hướng. Ngài quyết chẳng kiên trì nhất định phải có nơi chốn hoặc mục đích để hồi hướng. Ngài chẳng chấp vào "có", cũng chẳng chấp vào "không", chẳng chấp vào "pháp hư vọng" để hồi hướng. Ngài cũng chẳng chấp vào tướng chúng sinh, hoặc tướng thế giới, hoặc tướng tâm ý để hồi hướng. Trong tâm của Ngài ở tất cả mọi thời, mọi nơi, đều minh bạch, thanh tịnh, chưa từng sinh khởi tâm ý điên đảo, hoặc tư tưởng sinh khởi điên đảo, hoặc kiến giải phát sinh điên đảo hồi hướng. Cũng chẳng rơi vào lời nói mà hồi hướng.

Khi Bồ Tát tu tập căn lành hồi hướng, thì Ngài quán sát tất cả các pháp, chẳng không, chẳng có, tức không, tức có, hai nghĩa đều không hai, rõ các pháp thật tướng, dùng tính chân thật để hồi hướng. Lại quán tất cả tướng chúng sinh đều bình đẳng, chẳng có phân biệt mà hồi hướng. Vì minh bạch vọng không, tất cả đều không. Thật hữu, là tất cả diệu hữu. Tức không ở trước, là thật ở đây, hai nghĩa chẳng hai, là chân pháp ấn. Cho nên dùng ấn pháp giới, để ấn chứng các căn lành hồi hướng. Hoặc nói cách khác, Bồ Tát tu tất cả các pháp, đều tức tướng lìa tướng, tức pháp phi pháp, chẳng chấp trước, chẳng giống như phàm phu làm được một chút việc lành, thì chấp vào cho rằng có công đức rất to lớn. Tâm của Bồ Tát thường vắng lặng, hành sở vô sự, cho nên Ngài có thể dùng ấn pháp giới, để ấn tất cả căn lành hồi hướng. Bồ Tát quán sát các pháp, thấu rõ thông đạt các pháp, nên chẳng chấp trước các pháp mà sinh pháp chấp. Bồ Tát lìa khỏi tất cả tâm tham, tâm dục, cho nên Ngài bình đẳng hồi hướng, ấn chứng các căn lành hồi hướng.

Minh bạch tất cả pháp, đều chẳng một, chẳng hai, cho nên nói chẳng thấy có chút pháp sinh, cũng chẳng thấy có chút pháp diệt. Đủ thứ căn lành cũng như vậy. Bồ Tát quán sát tất cả pháp không hai, thấu rõ "Thật có vốn có, tự nhiên chẳng sinh. Vọng hoặc vốn không, không chẳng thể diệt". Nhận thức như thế, thì tu tập pháp môn hồi hướng, hành sở vô sự. Dùng sự hồi hướng căn lành không nhiễm, không chấp không ngại của Kinh văn đã nói ở trước, mà tu tập pháp hành thanh tịnh. Vì pháp thanh tịnh là đối trị pháp nhiễm ô. Sự tu tập tất cả căn lành thanh tịnh, đều hợp với tông chỉ xuất thế gian, tức là siêng tu giới định tuệ, diệt trừ tham sân si. Pháp là pháp môn không hai, tướng cũng chẳng có hai tướng. Chẳng những không có hai tướng, mà một tướng cũng chẳng có, cho nên nói "chẳng làm hai tướng".

Bồ Tát chẳng phải ở nghiệp hành tu tập nhất thiết trí, song, cũng chẳng lìa khỏi nghiệp hành mà hồi hướng nhất thiết trí. Vì lìa nghiệp thì không thể hồi hướng. Như tạo nghiệp thiện, thì không thể lìa khỏi nghiệp thiện hồi hướng nhất thiết trí. Nhất thiết trí cũng chẳng nương theo nghiệp, trí chẳng phải nghiệp. Nhưng lại không thể lìa khỏi nghiệp, mà đắc được nhất thiết trí. Vì lìa khỏi nghiệp thiện, thì chẳng đắc được nhất thiết trí. Cho nên nói chẳng tức chẳng lìa, chẳng tức nghiệp chẳng lìa nghiệp, mới có thể được nhất thiết trí. Là đạo lý gì phải nói như vầy: Nghiệp chẳng lìa trí, trí cũng chẳng lìa nghiệp? Ví như nghiệp nầy, giống như ánh sáng và hình bóng thanh tịnh, vậy báo cũng nhất định thanh tịnh như ánh sáng và hình bóng. Báo thanh tịnh như ánh sáng và hình bóng, vậy nhất thiết trí, trí huệ tối thù thắng, tự nhiên cũng thanh tịnh như ánh sáng và hình bóng. Để hiểu rõ ý của đoạn này hơn, các bạn hãy tham khảo thêm bài giảng kinh Thủ Lăng Nghiêm.

Lời kết

Bộ Luận Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật được giảng giải bởi Hòa thượng Tuyên Hóa, Việt dịch Tỳ Kheo Thích Minh Định, gồm có 25 quyển. Bài viết này là những ý chính, cô đọng nhất của quyển 12.

Tác giả: Phạm Tuấn Minh

Tài liệu: Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật, Hòa thượng Tuyên Hóa, Hán dịch: Sa môn Thật Xoa Nan Đà, Việt dịch Tỳ Kheo Thích Minh Định, Chùa Kim Quang.